

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH THỦY  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 10 - 2021

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Hồng**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu 14, xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Hà Văn C, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Khu 14, xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – chị Đặng Thị H có lời khai thể hiện:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C đăng ký kết hôn ngày 19/11/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống cùng gia đình chồng, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Kể từ tháng 12/2020 vợ chồng chị đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân tiếp tục xảy ra những mâu thuẫn không thể hòa giải được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Hà Diệu L, sinh ngày 20/8/2009; cháu Hà Đông N, sinh ngày 30/12/2012 và cháu Hà Việt A,

sinh ngày 11/9/2017. Quá trình giải quyết vụ án, ban đầu Chị H đề nghị khi ly hôn con chung do Tòa án phân định, nhưng sau đó chị thay đổi quan điểm: Chị đề nghị Tòa án giao cháu Hà Diệu L và cháu Hà Việt A cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Hà Đông N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung: Ban đầu chị đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng theo pháp luật, nhưng sau đó Chị H thay đổi quan điểm như sau:

Về tài sản chung, tài sản cho vay, nợ chung, công sức đóng góp: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn Anh Hà Văn C trình bày:* Về thời gian và điều kiện kết hôn, con chung như Chị H trình bày là đúng. Tuy nhiên, về quan hệ hôn nhân: Anh cho rằng vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Chị H chơi bời hư hỏng nên vợ chồng đã sống ly thân nhau nhưng chưa đến mức phải ly hôn. Nay Chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì anh không đồng ý.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho các cháu được ở cùng nhau cho có chị có em. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các con.

Anh C trình bày: Hiện tại cháu Linh và cháu Anh đang học hành, sinh hoạt ở tại xã H, Thanh Thủy, Phú Thọ cùng anh, còn cháu Nhi đang học hành ở tại Thường Tín, Hà Nội cùng Chị H.

Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh C không có đề nghị gì, tuy nhiên, tại phiên tòa anh đề nghị Tòa án phân chia tài sản theo quy định của pháp luật.

***Lời khai của các con chung của anh C và Chị H:***

Lời khai của Cháu Hà Diệu L: Cháu và em Hà Việt A đang ở cùng bố. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được ở với bố.

Lời khai của cháu Hà Đông N: Cháu đang ở cùng mẹ. Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu là muốn ở với mẹ.

Quá trình xác minh tại Ủy ban nhân dân, Hội liên hiệp Phụ nữ và Công an xã H cung cấp: Anh Nguyễn Văn C và chị Đặng Thị H đăng ký kết hôn với nhau ngày 19/11/2008 tại UBND xã H, huyện Thanh Thủy. Vợ chồng anh C, Chị H có 03 con chung là cháu Hà Diệu L, sinh ngày 20/8/2009, cháu Hà Đông N, sinh ngày 30/12/2012 và cháu Hà Việt A, sinh ngày 11/9/2017 và đều đăng ký hộ khẩu tại khu 14, xã H (chủ hộ là Hà Văn C). Quá trình vợ chồng chung sống giữa anh C và Chị H: Sau khi kết hôn, thời gian đầu thì hạnh phúc nhưng sau đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh C có đến Tòa án viết bản tự khai và tiếp cận chứng cứ, sau đó anh C không đến, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Hà Văn C, tuy nhiên anh C vắng nhà và không có ai nhận thay, qua làm việc với trưởng khu 14, nơi anh C và Chị H chung sống, được trưởng khu cung cấp như sau: Anh C, Chị H làm công việc tự do thường xuyên đi làm việc xa nhà, nhưng không khai báo với chính quyền địa phương và khu dân cư. Vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh C khi quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy

nhiên, đến trước thời điểm xét xử ngày 29/9/2021, thì vào ngày 27/9/2021 khu dân cư cung cấp: Hiện tại, anh C đã có mặt tại địa phương, đang thực hiện cách ly 14 ngày, cháu Hà Diệu L và cháu Hà Việt A đang sống cùng anh C tại khu 14, xã H. Còn cháu Hà Đông N đang sống cùng Chị H và không có mặt tại địa phương. Do đó Tòa án Quyết định hoãn phiên tòa, đến ngày 28/10/2021 mở phiên tòa xét xử vụ án.

*\* Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành các quy định của pháp luật chưa đầy đủ.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử: Cho Chị H được ly hôn anh C;

Về con chung: Giao cháu Hà Đông N cho Chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Giao cháu Hà Diệu L và cháu Hà Việt A cho anh C trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau do các bên đều không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Không đặt giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục Tố tụng:**

Nguyên đơn và Bị đơn đều cư trú tại khu 14, xã H, huyện Thanh Thủy, do đó Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

#### **2. Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H kết hôn với anh Hà Văn C ngày 19/11/2008, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Đây là một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị H, anh C đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng hiện nay sống ly thân, không còn thực tế chung sống. Nay Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh C.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm hai bên đã hết, đời sống chung không còn tồn

tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị H, cho Chị H được ly hôn anh C là phù hợp.

[2] Về con chung: Chị H, anh C xác định vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Hà Diệu L, sinh ngày 20/8/2009; cháu Hà Đông N, sinh ngày 30/12/2012 và cháu Hà Việt A, sinh ngày 11/9/2017. Ly hôn, Chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Đông N và đề nghị Tòa án giao cho anh C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh và cháu Anh, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Anh C đề nghị cho các cháu ở cùng nhau và phải có ý kiến của cháu Hà Diệu L về quan điểm ở với ai. Tại phiên tòa anh C không yêu cầu Chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị được nuôi con của anh C và Chị H là chính đáng, tuy nhiên nếu giao cả 03 cháu cho một bên trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sẽ không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, hơn nữa cháu Linh, cháu Anh hiện tại đang ở cùng anh C và cháu Linh có nguyện vọng được ở với bố, còn cháu Nhi đang ở cùng Chị H và có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, để tránh sự thay đổi, sáo trộn môi trường sống và học hành, ảnh hưởng đến tâm, sinh lý của các cháu. Hơn nữa cháu Anh là con trai cần sự chăm lo, định hướng của người bố và cháu Linh là con gái lớn có thể đỡ đần bố trông nom em khi anh C bận công việc. Vì vậy, để đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho các cháu, cần giao cháu Hà Đông N cho Chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Hà Diệu L và cháu Hà Việt A cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân đến khi cháu Linh, cháu Anh và cháu Nhi thành niên là phù hợp.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau vì không ai yêu cầu

[3] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ngày 14/6/2021 Chị H đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật. Anh C thừa nhận có tài sản chung nhưng không có yêu cầu gì. Sau đó Chị H thay đổi quan điểm, có đơn đề nghị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh C không yêu cầu giải quyết về tài sản, tại phiên tòa anh C mới đề nghị giải quyết về tài sản chung của vợ chồng là vượt quá yêu cầu ban đầu, nên vấn đề tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí,

lệ phí Tòa án; Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị H được ly hôn anh Hà Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Đông N, sinh ngày 30/12/2012 cho chị Đặng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi Chị H và anh C chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu Nhi thành niên;

Giao cháu Hà Diệu L, sinh ngày 20/8/2009 và cháu Hà Việt A, sinh ngày 11/9/2017 cho anh Hà Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi Chị H và anh C chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu Linh, cháu Anh thành niên;

Chị H và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

*Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đặng Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002752 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tuyên án; Nguyên đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng**

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Hồng**